

THỰC TRẠNG MỨC SỐNG VÀ CÁI NGHÈO CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG CHUẨN BỊ BƯỚC VÀO ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG HOẶC TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG Ở TỈNH QUẢNG NINH HIỆN NAY

★ PGS, TS TRỊNH VĂN TÙNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** *Mức sống và cái nghèo là tập hợp chỉ báo rất quan trọng thuộc biểu hiện đời sống vật chất và tinh thần của con người nói chung. Phân tích mức sống và cái nghèo của NKT vận động tỉnh Quảng Ninh chuẩn bị bước vào độ tuổi lao động và trong độ tuổi lao động đã chỉ ra nhiều sự khác biệt xã hội và bất bình đẳng xã hội giữa các vùng được khảo sát, giữa NKT vận động với các nhóm xã hội khác và ngay bên trong nhóm xã hội này.*

● **Từ khóa:** *Mức sống; cái nghèo; người khuyết tật vận động; Quảng Ninh.*

1. Đặt vấn đề

Trong khoa học xã hội nói chung, trong xã hội học và công tác xã hội nói riêng, để hiểu được mức sống của một cá nhân hoặc nhóm xã hội nào đó, việc đánh giá, đo lường thu nhập của họ đóng vai trò quan trọng và ý nghĩa. Bằng phương pháp thu thập dữ liệu định tính qua phỏng vấn sâu và định lượng qua khảo sát 180 NKT vận động chia đều cho cả ba khu vực (TP. Hạ Long; Tây Bắc miền núi (Ba Chẽ, Tiên Yên, Bình Liêu, Móng Cái) và Đông Nam, Tây Nam (Đông Triều, Quảng Yên), bài viết phản ánh được thực trạng mức sống và cái nghèo của NKT vận động hiện nay.

2. Một số cách tiếp cận đánh giá mức sống và cái nghèo trong xã hội học

Thứ nhất, cách tiếp cận thu nhập hoặc cách

tiếp cận tiền tệ được cho là phổ biến nhất khi người ta xem xét tổng thể thu nhập của hộ gia đình để trên cơ sở đó xác định ngưỡng thu nhập trung bình phù hợp với quy mô của hộ gia đình đó. Nói cách khác, ngưỡng thu nhập trung bình ấy cần đáp ứng ngưỡng tiêu dùng của hộ gia đình, được tính theo thang đo Oxford. Theo thang đo này, người ta gán cho người lớn thứ nhất trong hộ gia đình một đơn vị tiêu dùng hàng tháng bao hàm chủ yếu là ăn, uống, mặc và vệ sinh hết bao nhiêu tiền, người lớn thứ hai, thứ ba... được tính với trọng số bằng 0,7 người lớn thứ nhất và trẻ em dưới 14 tuổi được tính bằng 0,5 người lớn thứ nhất (Nolan và Whelan, 1996)¹. Trên cơ sở đó, người ta tính ra thu nhập bình quân cần thiết cho hộ gia đình hàng tháng. Mức sống của cá nhân được xếp vào diện hộ

nghèo khi thu nhập bình quân hàng tháng của hộ gia đình đạt dưới ngưỡng tiêu dùng thiết yếu bình quân ấy. Trong những thập niên 1970 hoặc 1980, thang đo này được sử dụng phổ biến để xác định mức sống và cái nghèo của các hộ gia đình. Tuy nhiên, bắt đầu từ những năm 1990 đến nay, thang đo này dường như không còn phù hợp nữa, bởi vì, chỉ tiêu cho nhà cửa của các hộ gia đình ngày càng chiếm khoản tiền lớn. Trong khi đó, tiền chi tiêu cho ăn, uống, mặc và vệ sinh ngày càng ổn định hơn. Tuy vậy, cách tiếp cận đánh giá mức sống và cái nghèo dựa vào thu nhập cũng đã giúp rất nhiều tổ chức quốc tế và các chính phủ quy định chuẩn nghèo đơn chiều trong một thời gian lâu dài.

Mặc dù điểm mạnh nhất của thang đo này là cố gắng dựa vào những dữ liệu khách quan về thu nhập bình quân đầu người đáp ứng chi tiêu thiết yếu bình quân hàng tháng, nhưng nó cũng bộc lộ một số hạn chế như sau: (i) khái niệm “đáp ứng nhu cầu thiết yếu bình quân đầu người” chỉ mang tính võ đoán và tương đối, bởi vì, các tác giả của thang đo này đã chuẩn hóa hoặc lý tưởng hóa các khoản chi tiêu ấy theo mô hình của một cá nhân điển hình hoàn toàn duy lý; (ii) thang đo này chưa tính đến các chi phí khác dành cho việc nuôi trẻ nhỏ, người cao tuổi, ví dụ như chi phí cho người giúp việc...; (iii) đánh giá thu nhập trung bình cần thiết đáp ứng chi tiêu thiết yếu bình quân đầu người hàng tháng chưa xem xét đến sự khác biệt giữa các khu vực sinh sống khác nhau.

Thứ hai, cách tiếp cận chủ quan mức sống và cái nghèo do Van Praag khởi xướng năm 1968, sau đó được tái sử dụng bởi Van Weeren và Hagenaars (Paugam, 1996)². Các tác giả này không dựa vào nhận xét, đánh giá của chuyên gia trên cơ sở các con số khách quan về thu nhập, mà chỉ dựa vào ý kiến tự đánh giá của

người được điều tra, khảo sát về tình hình tài chính của hộ gia đình kết hợp với cảm nhận cá nhân về mức sống. Trong trường hợp này, nhà nghiên cứu thường đặt ra những câu hỏi đơn giản, cụ thể như: “*Thu nhập hàng tháng của gia đình anh/chị có đủ trang trải các chi tiêu thiết yếu hay không?*” hoặc “*Mỗi tháng, gia đình anh/chị cần bao nhiêu tiền tối thiểu thì đủ chi tiêu cho các nhu cầu thiết yếu?*”. Từ đó, một ngưỡng trung bình chung được xác lập để đánh giá, thống kê về mức sống và cái nghèo. Điểm mạnh của cách tiếp cận đánh giá mức sống và cái nghèo ở đây là tìm hiểu được cảm xúc sống của người được hỏi. Nói cách khác, mức sống về vật chất có thể thiếu thốn, nhưng cảm xúc tinh thần tin tưởng, lạc quan là một dạng nguồn lực cho người nghèo vươn lên thoát nghèo, thậm chí làm giàu. Tuy nhiên, nó cũng bộc lộ một số hạn chế mà nhiều tác giả đã chỉ ra: (i) những câu hỏi khảo sát này được diễn đạt bằng các ngôn ngữ khác nhau thực ra chứa đựng trong đó những khía cạnh văn hóa khác nhau nên rất khó có chuẩn nghèo để so sánh; (ii) khái niệm “thu nhập đủ chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu hàng tháng” cũng rất khác nhau giữa các nước, giữa các nền văn hóa, giữa các khu vực, giữa các hộ gia đình có quy mô nhân khẩu khác nhau,... (Paugam, 1996; Tocqueville, 1983; Ogien, 1983³).

Thứ ba, cách tiếp cận đánh giá mức sống và cái nghèo dựa vào đánh giá điều kiện sống ngày càng được các nhà thống kê sử dụng (Townsend, 1970, 1988)⁴. Cách tiếp cận này của Townsend xác định tổng tích hợp những sự thiếu hụt của hộ gia đình với 12 chỉ báo, bao gồm: thức ăn, nước uống; áo quần; điện và sưởi ấm; trang thiết bị trong nhà; điều kiện nhà ở; điều kiện lao động; sức khỏe; giáo dục; vệ sinh môi trường; hoạt động chung của gia đình; các

hoạt động giải trí; quan hệ xã hội). Cho đến nay, nhiều nhà nghiên cứu khoa học xã hội vẫn tiếp tục theo đuổi phương pháp này bằng cách xác định các tiêu chí đáp ứng sự hài lòng của người được khảo sát về điều kiện vật chất và điều kiện tham gia xã hội của họ. Điểm mạnh của cách tiếp cận đánh giá mức sống và cái nghèo này là mang tính đa diện hoặc đa chiều cạnh. Nói cách khác, mức sống và cái nghèo được đánh giá xác thực hơn, bởi vì, phương pháp đánh giá phức hợp hơn. Trên cơ sở này, nhiều tổ chức quốc tế và nhiều chính phủ đã xây dựng khung tiêu chí nghèo đa chiều. Tuy vậy, khó khăn của cách tiếp cận này là làm thế nào để khách quan hóa được tất cả 12 chỉ báo nêu trên.

Với tất cả giới thuyết như trên, trong khuôn khổ của bài báo này, việc đánh giá mức sống và cái nghèo của NKT vận động tỉnh Quảng Ninh dựa trên sự phối hợp của hai cách tiếp cận thứ nhất và thứ hai. Cách tiếp cận thứ nhất chủ yếu dựa vào việc xác định của chính quyền tỉnh Quảng Ninh về NKT vận động thuộc diện hộ

nghèo có cấp giấy chứng nhận theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021, Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025⁵. Cách tiếp cận thứ hai dựa vào cảm nhận chủ quan về mức sống và cái nghèo của NKT vận động để trên cơ sở đó hiểu được mức độ niềm tin vào cuộc sống của chính đối tượng này.

3. Đánh giá về mức sống và cái nghèo của NKT vận động tỉnh Quảng Ninh

Dữ liệu được khảo sát theo các khu vực cho thấy đa số NKT vận động đều tự đánh giá bản thân có mức sống trung bình với 94.7% ở TP. Hạ Long, 93.8% ở vùng Đông Nam, Tây Nam, 92.0% ở vùng Tây Bắc miền núi. Tương tự như vậy, 3.7% NKT vận động tại TP. Hạ Long tự đánh giá mức sống của hộ gia đình mình thuộc diện khá, tỉ lệ này cao hơn hẳn so với các hộ gia đình NKT vận động ở vùng Đông Nam, Tây Nam (1.3%) và vùng Tây Bắc miền núi (1.0%) (Bảng 1).

Đây là kết quả tích cực chung của tỉnh Quảng Ninh trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Quả thật như vậy, trong thời gian

Bảng 1. Thực trạng mức sống hộ gia đình của NKT vận động theo đặc điểm nhân khẩu học - xã hội (Đơn vị: %)

	Địa bàn			Độ tuổi			Giới tính		Mức độ khuyết tật			Trình độ học vấn			Tình trạng hôn nhân		
	Tây Bắc miền núi (%)	Đông Nam, Tây Nam miền núi (%)	Hạ Long (%)	13 < 16 tuổi (%)	≥ 16 – 40 tuổi (%)	≥ 40 – 60 tuổi (%)	Nam %	Nữ %	Đặc biệt nặng (%)	Nặng (%)	Nhẹ (%)	Tiểu học trở xuống	THCS	THPT trở lên	Độc thân	Có vợ, chồng	Ly hôn, ly thân
Nghèo	0.5	0.0	0.0	0.0	0.4	0.1	0.1	0.4	0.5	0.0	0.0	0.5	0.0	0.0	0.2	0.0	0.3
Cận nghèo	6.5	4.9	1.6	3.0	7.6	2.4	5.2	8.4	8.0	4.0	1.0	7.0	5.0	1.0	4.8	3.2	5.0
Trung bình	92.0	93.8	94.7	94.9	90.2	96.4	91.1	89.2	91.5	93.5	95.5	92.5	93.9	94.1	95.0	91.5	94.0
Khá	1.0	1.3	3.7	3.1	1.8	1.1	3.6	2.4	0.0	2.5	3.5	0.0	1.1	4.9	0.0	5.3	0.7
Tổng %	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
P	**			*			*		*			*			**		
Ghi chú: * = P< 0.05; ** = P > 0.05																	
Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2023																	

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2023

qua, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai nhiều giải pháp làm thay đổi diện mạo từ thành thị đến nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Nhiều hộ nghèo, cận nghèo đã thay đổi nếp nghĩ, cách làm, chủ động vay vốn, tiếp cận khoa học kỹ thuật, tham gia các mô hình phát triển sản xuất, từng bước vươn lên thoát nghèo và làm giàu. Đặc biệt, các tiêu chí thu nhập và các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 đã được cải thiện rõ rệt. Trong số đó, nhiều hộ gia đình NKT vận động đã thoát nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

Đặc biệt, tại các khu vực được khảo sát, đã có 3.7% NKT vận động tại TP. Hạ Long, 1.3% tại khu vực Đông Nam, Tây Nam và 1.0% tại khu vực Tây Bắc miền núi tỉnh Quảng Ninh tự đánh giá mức sống hộ gia đình mình thuộc diện khá giả. Việc có một tỉ lệ nhất định NKT vận động tự đánh giá mức sống của bản thân và hộ gia đình mình ở mức khá giả cho thấy sự hài lòng và sự lạc quan, yêu đời của họ. Đây là nguồn lực cảm xúc quan trọng và có ý nghĩa đối với mọi người, nhất là đối với người khuyết tật trong quá trình tìm kiếm các giải pháp hòa nhập cộng đồng và hòa nhập xã hội.

Tuy vậy, kết quả ở bảng 1 cũng cho thấy vẫn còn 0.5% NKT vận động ở khu vực Tây Bắc miền núi của tỉnh Quảng Ninh thuộc diện hộ nghèo. Xét mức cận nghèo, thì NKT vận động ở vùng Tây Bắc miền núi của tỉnh trong mẫu khảo sát chiếm tỉ lệ cao nhất (6.5%), tiếp đến là khu vực Đông Nam, Tây Nam (4.9%) và sau cùng là ở TP. Hạ Long (1.6%). Đây là con số cao hơn nhiều so với hộ nghèo và cận nghèo của toàn tỉnh: “*Tính đến hết năm 2022, Quảng Ninh còn 258 hộ nghèo (chiếm 0,067% tổng số hộ dân toàn tỉnh), 2.454 hộ cận nghèo (chiếm 0,635%)*”.

Xét về độ tuổi, nhóm hộ gia đình có NKT vận động từ 16 tuổi đến 40 tuổi có tỉ lệ cận

nghèo và nghèo cao nhất (lần lượt là 7.6% và 0.4%), so với các hộ gia đình có NKT vận động từ 40 tuổi đến 60 tuổi (lần lượt là 2.4% và 0.1%) hoặc so với cả hộ gia đình có NKT vận động chuẩn bị bước vào độ tuổi lao động (lần lượt là 3.0% và 0.0%): “*Gia đình tôi có anh trai 43 tuổi là người khuyết tật vận động rất nặng nên thường xuyên phải có một lao động chính ở nhà hỗ trợ. Bản thân anh ấy tuy đang trong độ tuổi lao động nhưng không làm được gì mang lại thu nhập. Người nhà cũng phân công nhau chăm sóc anh ấy nên khó làm việc khác mang lại thu nhập. Sau đại dịch, cả xã hội khó khăn hơn nên gia đình tôi lại bị hạ xuống mức hộ cận nghèo*” (Nữ, 35 tuổi, Đông Triều).

Xét về giới tính, có một sự chênh lệch đáng kể trong mức sống của NKT vận động nam giới và nữ giới, cụ thể như sau: 0.1% NKT vận động nam giới có mức sống nghèo so với 0.4% NKT vận động nữ giới; ở mức sống cận nghèo, tỉ lệ này ở NKT vận động nam giới cũng thấp hơn so với NKT vận động nữ giới (5.2% so với 8.4%) ($p < 0,05$); NKT vận động nam giới có mức sống khá giả cũng cao hơn hẳn so với NKT vận động nữ giới (3.6% so với 2.4%). Như vậy, vẫn tồn tại hiện tượng bất bình đẳng giới trong mức sống của NKT vận động tỉnh Quảng Ninh.

Mức độ khuyết tật là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ nhất đến mức sống của NKT vận động. Nói cách khác, NKT vận động càng nặng thì càng thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo (lần lượt là 0.5% và 8.%). Tỉ lệ này cao hơn hẳn so với NKT vận động nặng hoặc NKT vận động nhẹ, hai nhóm này chỉ thuộc diện hộ cận nghèo, không thuộc diện hộ nghèo với lần lượt là 4.0% và 1.0%. Ở chiều ngược lại, trong khi có đến 2.5% NKT vận động nặng và 3.5% NKT vận động nhẹ thuộc diện hộ có mức sống



Y tế Quảng Ninh chăm sóc sức khỏe đồng bào dân tộc thiểu số _ Ảnh: nhandan.vn

khá giả, thì không có NKT vận động đặc biệt nặng nào đạt được mức sống này.

Xét tương quan trình độ học vấn, có thể khẳng định rằng có sự đồng biến giữa mức độ thoát nghèo, mức sống với trình độ học vấn của NKT vận động tỉnh Quảng Ninh. Nói cách khác, NKT vận động tỉnh Quảng Ninh có trình độ học vấn càng cao (THPT trở lên) thì càng có mức sống từ trung bình trở lên, cao hơn hẳn so với NKT vận động có trình độ học vấn THCS hoặc tiểu học trở xuống (lần lượt là 94.1% so với 93.9% và 92.5%). Tương tự như vậy, tỉ lệ cận nghèo cũng gia tăng ở các hộ gia đình có NKT vận động có trình độ học vấn chỉ ở mức THCS (5.0%) hoặc tiểu học trở xuống (7.0%). Ở chiều ngược lại, NKT vận động có trình độ học vấn từ THPT trở lên tự đánh giá thuộc diện có mức sống khá giả cao hơn hẳn so với NKT có trình độ THCS hoặc tiểu học trở xuống, lần lượt là 4.9% so với 1.1% và 0.0%.

Xét theo đặc điểm tình trạng hôn nhân, có thể nói rằng, tình trạng độc thân, có vợ/chồng hoặc

ly thân/ly hôn cũng có những ảnh hưởng nhất định trong mức sống của hộ gia đình NKT vận động tỉnh Quảng Ninh. Nói cách khác, tỉ lệ hộ gia đình NKT vận động có sự ổn định hôn nhân (có vợ/chồng) đạt mức sống khá giả cao hơn hẳn so với các hộ gia đình NKT vận động ly hôn/ly thân hoặc sống độc thân với lần lượt là 5.3% so với 0.7% hoặc 0.0%: “*Có vợ , có chồng quan trọng lắm chứ, nhất là động viên nhau vượt qua nhiều khó khăn trong cuộc sống này. Tinh thần vui vẻ lại càng làm tăng lên tình yêu, làm tăng khả năng lao động mang lại thu nhập. Gia đình tôi có cuộc sống khá giả hôm nay là nhờ cuộc sống vợ chồng hạnh phúc*” (Nam, NKT vận động, 42 tuổi, Quảng Yên).

Tương tự, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng tỉ lệ hộ gia đình NKT ly hôn/ly thân hoặc sống độc thân có mức sống cận nghèo cao hơn hẳn so với hộ gia đình NKT vận động có vợ/chồng ổn định, lần lượt là 5.0% so với 4.8% và 2.2%. Trong khi đó, chỉ có NKT vận động ly hôn/ly thân và NKT vận động độc thân có mức sống thuộc diện

hộ nghèo: “Sau khi ly hôn, tôi đã trở nên buồn chán, không muốn lao động, không muốn làm việc mà chỉ sống bằng trợ cấp của Nhà nước” (Nữ, NKT vận động, 50 tuổi, TP. Hạ Long).

4. Hướng giải pháp giải quyết nâng cao mức sống và giải quyết cái nghèo cho người khuyết tật vận động tỉnh Quảng Ninh

Hướng giải pháp nâng cao mức trợ cấp trực tiếp

Trong thời gian trước khi ban hành Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ VIII Ban chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ các nhóm xã hội yếu thế, trong đó có nhóm người khuyết tật, xóa đói, giảm nghèo bằng nhiều giải pháp khác nhau. Đáng chú ý ở đây là giải pháp nâng mức trợ cấp xã hội trực tiếp cao gấp 1,5 lần so với mặt bằng chung trên toàn quốc. Tính đến 30/6/2024, toàn tỉnh còn 125 hộ nghèo theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, trong đó, có một số hộ là người khuyết tật⁷. Theo Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 27/11/2023 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, nhiệm vụ đặt ra là: đến cuối năm 2024, toàn tỉnh không còn hộ nghèo và giảm 50% hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025⁸.

Hướng giải pháp hỗ trợ sinh kế đồng bộ

Mặc dù tỉnh Quảng Ninh hiện nay đã và đang thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ NKT nói chung và NKT vận động nói riêng, nhưng bản thân các chính sách ấy phần nào còn mang tính đơn lẻ, chưa đồng bộ, thậm chí chưa phù hợp với thực tế. Đơn cử một ví dụ như sau: tại chương II, điều 9, khoản 1, điểm b của Luật

Người khuyết tật đang hiện hành⁹, Nhà nước “miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế” cho cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật. Trong thực tế, quy định này không khuyến khích bất kỳ chủ doanh nghiệp nào sử dụng lao động là người khuyết tật, bởi vì, với tỉ lệ đó, doanh nghiệp mất hết khả năng cạnh tranh. Hơn nữa, trong một đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện,... NKT thường sống rải rác nên rất khó khăn cho việc đi lại, tham gia sản xuất tập trung. Vì vậy, thay vì quy định miễn thuế đối với cơ sở sử dụng 30% lao động là NKT, Nhà nước nên quy định bất kỳ cơ sở sản xuất nào sử dụng một lao động là NKT thì được miễn thuế cho hai hoặc ba lao động của cơ sở đó. Tương tự như vậy, chương II, điều 9, khoản 1, điểm đ cũng rất ít mang tính khả thi khi Nhà nước “miễn tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất kinh doanh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 70% lao động là người khuyết tật trở lên; giảm 50% tiền thuê đất, mặt bằng, mặt nước phục vụ sản xuất kinh doanh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng 30% đến 70% lao động là người khuyết tật”. Trong thực chất, những quy định này có thể chỉ phù hợp với doanh nghiệp xã hội của/do NKT thành lập. Tuy nhiên, khi NKT phải làm việc tập trung tại một cơ sở sản xuất, kinh doanh nào đó, thì kéo theo việc họ phải sinh hoạt, ăn ở tập trung. Mô hình này đã bộc lộ những khiếm khuyết của nó tại châu Âu trong những năm 1960, 1970¹⁰, bởi vì, nó chỉ giải quyết được sự hòa nhập cộng đồng NKT, chứ không thể giải quyết được hòa nhập xã hội của/cho NKT. Để cải thiện quy định này, Nhà nước nên xem xét hỗ trợ mặt bằng kinh doanh cho hộ gia đình có NKT đặc biệt ở những chợ dân sinh truyền thống hoặc ở những không

gian công cộng thuận lợi cho việc cung cấp dịch vụ.

Từ trước đến nay, Nhà nước đã và đang hỗ trợ đào tạo nghề miễn phí cho NKT nói chung và NKT vận động nói riêng. Tuy nhiên, để hỗ trợ sinh kế một cách đồng bộ, trong lĩnh vực giáo dục phổ thông, cao đẳng, đại học, cần bổ sung chính sách miễn, giảm học phí cho con của NKT, với mục đích sâu xa rằng, khi trưởng thành, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, con của NKT sẽ hỗ trợ người cha, người mẹ khuyết tật của mình. Sự hỗ trợ đó là một hình thức giúp NKT nói chung, NKT vận động nói riêng “tự đảm bảo an sinh xã hội” theo tinh thần Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 vừa qua.

Một điểm quan trọng nữa, đó là hỗ trợ tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe đối với NKT và gia đình có NKT. Cho đến nay, NKT được thụ hưởng miễn phí thẻ bảo hiểm y tế do Nhà nước cấp. Tuy nhiên, cần nghiên cứu bổ sung chính sách hỗ trợ một phần chi phí mua thẻ bảo hiểm y tế đối với những đối tượng “sống trong hoàn cảnh khuyết tật”, nghĩa là người nhà của NKT.

Về tham gia giao thông công cộng đường bộ, chính sách của Nhà nước hiện nay là miễn vé cho NKT. Tuy nhiên, chủ nhiều tuyến xe buýt, đã ký hợp đồng phục vụ với sự hỗ trợ một phần của Nhà nước, vẫn không miễn vé cho NKT. Các cơ quan nhà nước đủ thẩm quyền cần có biện pháp nhắc nhở, điều chỉnh hiện tượng này.

Nói tóm lại, sự hỗ trợ sinh kế đồng bộ cho NKT nói chung và NKT vận động nói riêng, một mặt, cần bám sát Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, theo đó, ngoài tiêu chí thu nhập, cần thực hiện tốt 06 tiêu chí dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm: hỗ trợ hướng nghiệp, đào tạo, việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh;

thông tin. Tuy nhiên, trong điều kiện thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Quảng Ninh được xếp trong tốp đầu của đất nước, Đảng bộ và chính quyền địa phương hoàn toàn có thể nâng cao mức trợ cấp và mở rộng các dịch vụ xã hội cơ bản bao trùm (ngoài 06 dịch vụ nêu trên) đối với NKT nói chung và NKT vận động nói riêng. Khi sự hỗ trợ sinh kế cho NKT được thực hiện một cách đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực, thì NKT và người sống trong hoàn cảnh khuyết tật sẽ đủ năng lực vươn lên trong lao động, sản xuất, kinh doanh để tự đảm bảo an sinh xã hội. Lúc đó, chính sách tái phân phối của Nhà nước (chính sách xã hội) sẽ thực sự năng động hóa NKT nói chung và NKT vận động nói riêng.

5. Kết luận

Có thể kết luận rằng hầu hết NKT vận động tỉnh Quảng Ninh trong mẫu khảo sát đang có mức sống trung bình theo đánh giá chủ quan của bản thân họ. Số NKT vận động có mức sống thuộc diện hộ nghèo chiếm 0.5% và 13% NKT vận động đang thuộc diện hộ cận nghèo, tỷ lệ này là rất cao so với tỷ lệ hộ nghèo trên toàn tỉnh. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, vẫn có 6.0% NKT vận động đã vươn lên thoát nghèo và tự đánh giá hộ gia đình mình thuộc diện khá giả, một cảm giác lạc quan, tích cực cần thiết trong cuộc sống.

Kết quả đánh giá mức sống và cái nghèo của NKT vận động tỉnh Quảng Ninh cũng cho thấy một số khác biệt xã hội, thậm chí bất bình đẳng xã hội theo các đặc điểm khu vực sinh sống, mức độ khuyết tật, giới tính, tuổi, trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân. NKT vận động ở khu vực Tây Bắc miền núi, với mức độ khuyết tật đặc biệt nặng, từ 16 tuổi đến 40 tuổi, nữ giới, độc thân, ly thân/ly hôn và có trình độ học vấn từ tiểu học trở xuống thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo cao nhất, gặp nhiều khó khăn nhất. Như

vậy, những sự khác biệt và bất bình đẳng xã hội này không những diễn ra giữa nhóm NKT vận động với các nhóm xã hội khác, mà còn quan sát thấy bên trong lòng nhóm NKT vận động của tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, với GRDP bình quân đầu người của tỉnh trên 9.400 USD, mức sống chung của người dân toàn tỉnh thuộc dạng khá. Điều này gây ra áp lực lớn đối với hộ nghèo nói chung, trong đó, có các hộ NKT vận động nghèo. Nói cách khác, do mức sống trung bình của toàn tỉnh cao nên trong thực chất cái nghèo lại càng trở nên gay gắt hơn. Do vậy, để

bù đắp nhiều thiếu hụt trong thực tế, tỉnh Quảng Ninh nên xem xét cơ chế tăng mức trợ cấp trực tiếp cho hộ nghèo nói chung, hộ nghèo có NKT nói riêng bằng cách hình thức khác nhau. Để nâng cao mức sống và giải quyết cái nghèo của NKT nói chung và NKT vận động nói riêng, trong điều kiện thực tế của tỉnh Quảng Ninh, Đảng bộ và chính quyền tỉnh nên xem xét nâng cao hơn nữa mức trợ cấp trực tiếp và thực hiện hỗ trợ sinh kế đồng bộ bằng cách mở rộng 06 tiêu chí dịch vụ xã hội cơ bản theo hướng mở rộng, bao trùm hơn ♦

¹ Nolan Brian & Whelan Christopher: *Ressources, Deprivation and Poverty*, Oxford, Clarenton Press, 1996.

² Paugam Serge: “Pauvreté et exclusion : la force des contrastes nationaux”, in Paugam Serge (sous la dir. de), *L'exclusion, l'état des savoirs*, “Textes à l'appui”, La Découverte, 1996, pp.389-404.

³ Paugam Serge: “Pauvreté et exclusion : la force des contrastes nationaux”, in Paugam Serge (sous la dir. de), *L'exclusion, l'état des savoirs*, “Textes à l'appui”, La Découverte, 1996, pp. 389-404; Tocqueville Alexis de: *Mémoire sur le paupérisme*, Mémoires de l'Académie de Cherbourg (1835) in *Commentaire*, 1983; Ogien Ruwen: *Théories orinaires de la pauvreté*, “Le sociologue”, PUF, 1983.

⁴ Townsend Peter: *The Concept of Poverty*, London, Heinemann, 1970.

⁵ Chính phủ: “Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025” ngày 27/01/2021, trên <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập ngày 12/10/2024.

⁶ Hoài Anh: “Thành quả ấn tượng trong công tác giảm nghèo” ngày 18/7/2023 trên <https://quangninh.gov.vn>, truy cập ngày 10/8/2024.

⁷ Xem Hoàng Giang: “Chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau” trên <https://www.quangninh.gov.vn>, truy cập ngày 22/08/2024.

⁸ Tính đến 31/12/2023, Quảng Ninh còn 246 hộ nghèo, chiếm 0,064% và 3.063 hộ cận nghèo, chiếm 0,797% tổng số hộ dân toàn tỉnh. Theo Thu Nguyệt: “Phát huy tinh thần đoàn kết giúp nhau giảm nghèo” trên <https://quangninh.gov.vn>, truy cập ngày 22/08/2024.

⁹ “Luật Người khuyết tật số 50/2010/QH12” ngày 17/06/2010, trên <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập ngày 1/8/2024.

¹⁰ Theo Trịnh Văn Tùng: “Kiến tạo mô hình phục hồi chức năng lao động cho người khuyết tật: Trường hợp tư vấn hướng nghiệp” Kỷ yếu HTKHQT: *Công tác xã hội Việt Nam thách thức tình chuyên nghiệp trước nhu cầu hội nhập và phát triển*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 2015.